

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 105/2024/DSST
Ngày: 13/3/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Chính**.

Ông **Nguyễn Đình Thung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lưu Thị Mười H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1977 (tên thường gọi là Q).

Trần Minh H, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

(*Chị M H có mặt; anh H, chị Thảo vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Mười Hai trình bày:

Chị Thảo và anh H là vợ chồng. Chị Trần Thị Thu T tên thường gọi là Q. Ngày 12/7/2023, chị T có mượn của chị Mười H số tiền 57.500.000đồng và ngày 25/7/2023 mượn số tiền 10.000.000đồng, tổng cộng là 67.500.000đồng. Chị T có viết biên nhận nợ.

Ngoài ra chị có tham gia chơi hụi do chị T làm đầu thảo hụi chơi 05 dây hụi còn nợ số tiền 258.800.000đồng. Các phần hụi này, chị nhiều lần yêu cầu chị T viết biên nhận chơi hụi nhưng chị không đồng ý. Chị xin rút lại yêu cầu đối với số tiền nợ hụi là 258.800.000đồng, chị sẽ khởi kiện lại sau khi có chứng cứ chứng minh.

Do chị T, anh H là vợ chồng cùng chung sống một nhà và có con chung. Chị T tổ chức các dây hụi có hoa hồng và mượn tiền để phát triển kinh tế gia đình, chi tiêu nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tiền hoa hồng thu được từ các dây hụi chị T, anh H mua bất động sản nên anh chị phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nêu trên.

Nay, chị yêu cầu chị T, anh H liên đới trả cho chị số tiền nợ vay là 67.500.000đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh H, chị T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mười Hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lưu Thị Mười H và chị Trần Thị Thu T, anh Trần Minh H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được xem xét giải quyết theo Điều 463, 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn anh H, chị T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh H, chị T

[3] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị Mười H xin rút lại yêu cầu đối với số nợ hụi là 258.800.000đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, chị Mười H yêu cầu anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay là 67.500.000đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Mười H là có cơ sở bởi lẽ giữa chị Mười H và chị T (tên thường gọi là Q) có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là tờ giấy có nội dung: Q có thiếu chị Mười H 57.500.000đồng và mượn 10.000.000đồng ký tên xác nhận là Q. Theo đơn xin xác nhận ngày 13/12/2023, Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị xác nhận chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 tên thường gọi là Q. Do đó có đủ cơ sở

xác định chị T (tên thường gọi là Q) có vay của chị Mười H số tiền 67.500.000đồng.

Chị Mười H cho rằng, chị T và anh H là vợ chồng cùng chung sống một nhà và có con chung. Chị T tổ chức các dây hui có hoa hồng và vay tiền để phát triển kinh tế gia đình, chi tiêu nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị T nhiều lần xuống nhà đòi nợ thì anh H điều biết nên anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng với chị T là phù hợp với quy định pháp luật.

Tòa án nhiều lần mời anh H, chị T đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhưng anh chị vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như anh chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mười H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc anh H, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mười H số tiền 67.500.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự. Do chị Mười H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T, anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Mười H.

Buộc anh Trần Minh H, chị Trần Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lưu Thị Mười H 67.500.000đồng (*Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Mười H cho đến khi thi hành án xong, chị T, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Mười H về việc yêu cầu chị T, anh H trả số tiền nợ hui là 258.800.000đồng.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ: Chị Mười H được có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được hoàn lại tạm ứng án phí.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Trần Thị Thu T, anh Trần Minh H cùng phải chịu số tiền 3.375.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Muời H số tiền tạm túng án phí 8.157.500đồng theo biên lai số 0012682 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. R, anh H, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Nông sở;
- Lưu hoà sở.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình